

Số: /BC-SVHTTDL

Hà Giang, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết quả đợt kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể
trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2021

Thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 24/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Ban kiểm kê di sản văn hóa tỉnh Hà Giang báo cáo kết quả đợt kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể năm 2021, cụ như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Việc tổ chức thực hiện

1.1. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về di sản văn hóa phi vật thể

- Phòng Quản lý di sản văn hóa - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Số điện thoại: 02193.861.717; Email: ds.svhttdl@hagiang.gov.vn

1.2. Cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện và cá nhân, tổ chức phối hợp

- Cơ quan tổ chức thực hiện: Phòng Quản lý di sản văn hóa.

- Cơ quan phối hợp: Bảo tàng tỉnh Hà Giang, UBND các huyện, thành phố, Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố.

- Cá nhân thực hiện: Các thành viên tổ kiểm kê theo Quyết định số 200/QĐ-BKK ngày 09/6/2021 của Ban kiểm kê di sản văn hóa tỉnh Hà Giang.

2. Các văn bản của tỉnh, ngành liên quan triển khai công tác kiểm kê

2.1. Văn bản của UBND tỉnh Hà Giang

- Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thành lập Ban kiểm kê di sản văn hóa tỉnh Hà Giang.

2.2. Văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang

Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Ban kiểm kê*) ban hành 02 công văn, 01 thông báo và 01 quyết định về thực hiện công tác kiểm kê trên địa bàn tỉnh¹.

3. Kinh phí được bố trí cho kiểm kê và lập hồ sơ khoa học

¹ Công văn số 742/SVHTTDL-BKK ngày 01/6/2021 và số 776 /SVHTTDL-BKK ngày 07/6/2021; Thông báo số 80/SVHTTDL-BKK ngày 08/6/2021; Quyết định số 200/QĐ-BKK ngày 09/6/2021.

Chi từ nguồn Ngân sách sự nghiệp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. KẾT QUẢ KIỂM KÊ

1. Đối tượng kiểm kê

Tổ chức kiểm kê sơ bộ 07 loại hình di sản văn hóa phi vật thể của 14 dân tộc cư trú lâu năm và sinh sống tập trung thành làng (bản), gồm: Mông, Tày, Dao, Kinh, Nùng, Giáy, La Chí, Hoa (Hán), Pà Thẻn, Cờ Lao, Lô Lô, Bố Y, Phù Lá, Pu Páo.

2. Địa bàn kiểm kê

Thực hiện công tác kiểm kê được 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2.1. Huyện Đông Văn

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 06 dân tộc: Mông, Lô Lô, Pu Páo, Cờ Lao, Giáy, Hoa (Hán) trên địa bàn 11 thôn, 06 xã/thị trấn: Phố Cáo, Sà Phìn, Lũng Táo, Ma Lé, Phố Là, thị trấn Phố Bàng.

2.2. Huyện Mèo Vạc

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 5 dân tộc: Mông, Dao, Tày, Giáy, Lô Lô trên địa bàn 10 thôn, 05 xã: Sủng Máng, Lũng Pù, Xín Cái, Nậm Ban, Niêm Sơn.

2.3. Huyện Yên Minh

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 4 dân tộc: Mông, Dao, Pu Páo, Tày trên địa bàn 07 thôn, 05 xã: Mậu Duệ, Lũng Hồ, Đường Thượng, Sủng Cháng, Ngam La.

2.4. Huyện Quản Bạ

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 06 dân tộc: Mông, Dao, Tày, Bố Y, Nùng, Giáy trên địa bàn 15 thôn, 07 xã/thị trấn: Tùng Vài, Nghĩa Thuận, Cao Mã Pờ, Thanh Vân, Đông Hà, Quản Bạ, thị trấn Tam Sơn

2.5. Huyện Bắc Mê

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 03 dân tộc: Tày, Dao, Pu Páo trên địa bàn 07 thôn, 04 xã: Lạc Nông, Giáp Trung, Đường Âm, Yên Cường.

2.6. Thành phố Hà Giang

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 2 dân tộc: Tày, Dao trên địa bàn 7 thôn, 3 xã: Ngọc Đường, Phương Thiện, Phương Độ.

2.7. Huyện Vị Xuyên

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 04 dân tộc: Tày, Dao, Mông, Kinh; 13 thôn, tổ dân phố; 05 xã, thị trấn: Minh Tân, Cao Bồ, Đạo Đức, Việt Lâm và thị trấn Việt Lâm.

2.8. Huyện Bắc Quang

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 5 dân tộc: Tày, Dao, Pà Thẻn, Kinh, Hoa Hán trên địa bàn 12 thôn, 08 xã, 02 thị trấn: Bằng Hành, Đức Xuân, Thị trấn Việt Quang, Tân Quang, Thị trấn Vĩnh Tuy, Vĩnh Phúc, Vĩnh Hảo, Tiên Kiều, Tân Lập, Vô Điểm.

2.9. Huyện Quang Bình

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 07 dân tộc: Tày, Dao, Pà Thẻn, Nùng, Mông, La Chí, Phù Lá trên địa bàn 28 thôn, 12 xã, thị trấn: Xã Xuân Minh, Tân Bắc, Tân Trinh, Tân Nam, Tiên Nguyên, Nà Khương, Xuân Giang, Bằng Lang, Yên Hà, Vĩ Thượng, Yên Thành và thị trấn Yên Bình.

2.10. Huyện Hoàng Su Phì

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 07 dân tộc: La Chí, Phù Lá, Nùng, Cờ Lao, Dao, Dân tộc Mông; Hoa (Hán); 16 thôn, 10 xã: Bản Máy, Hồ Thầu, Bản Luộc, Nậm Dịch, Tả Sử Choóng, Tụ Nhân, Túng Sán, Bản Phùng, Pờ Ly Ngài, Pố Lò.

2.11. Huyện Xín Mần

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 05 dân tộc: Mông, Phù Lá, La Chí, Nùng, Tày; 11 thôn, 06 xã: Khuôn Lùng, Cốc Rế, Nậm Dẩn, Nàn Ma, Nàn Xín, Bản Díu.

3. Phương pháp, cách thức kiểm kê

- Thực hiện theo phương pháp điền dã, sưu tầm tại các địa bàn dân cư (thôn, bản) tập trung; chọn điểm tại các làng có dân tộc sinh sống lâu đời, không tổ chức kiểm kê tại các làng bản chuyển cư, khai hoang...

- Khảo sát, nhận diện, phỏng vấn, ghi chép, ghi âm, chụp ảnh để thu thập thông tin và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Sưu tầm, phô tô, scan, chụp ảnh một số sách cổ của người Dao để phục vụ việc nghiên cứu, dịch thuật, chỉnh lý, chuyển thể thành tài liệu trưng bày tại Bảo tàng tỉnh.

4. Kết quả kiểm kê

4.1. Kết quả kiểm kê theo địa bàn

Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2021 đã thực hiện khảo sát, điền dã được 11/11 huyện, thành phố. Với 14 dân tộc: Mông, Tày, Dao, Kinh, Nùng, Giáy, La Chí, Hoa (Hán), Pà Thẻn, Cờ Lao, Lô Lô, Bố Y, Phù Lá, Pu Péo, cụ thể:

4.1.1. Huyện Đông Văn

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 06 dân tộc: Mông, Lô Lô, Giáy, Pu Péo, Cờ Lao, Hoa (Hán) trên địa bàn 11 thôn, 06 xã/ thị trấn: Phố Cáo, Sà Phìn, Lũng Táo, Ma Lé, Phố Là, thị trấn Phố Bàng, cụ thể:

- Dân tộc Hoa kiểm kê tại 02 khu phố: Khu phố I, Khu phố II, thị trấn Phố Bàng.
- Dân tộc Mông kiểm kê tại 05 thôn, 03 xã: Thôn Sủa Pả A, Sủa Pả B, xã Phố Cáo; Thôn Thành Ma Tùng, Sán Sì Tùng, xã Sà Phìn; thôn Má Là, xã Lũng Táo.
- Dân tộc Pu Péo kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã: thôn Chúng Chải, xã Phố Là.
- Dân tộc Lô Lô kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã: thôn Má Là, xã Lũng Táo.

- Dân tộc Giáy kiểm kê tại 02 thôn, 01 xã: thôn Ma Lé, thôn Tắc Tăng, xã Ma Lé.

- Dân tộc Cờ Lao kiểm kê tại thôn 01 thôn, 01 xã: thôn Chúng Chải, xã Phó Là.

4.1.2. Huyện Mèo Vạc

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 05 dân tộc: Mông, Dao, Tày, Giáy, Lô Lô trên địa bàn 10 thôn, 05 xã: Sủng Máng, Lũng Pù, Xín Cái, Nậm Ban, Niêm Sơn, cụ thể:

- Dân tộc Mông kiểm kê tại 02 thôn, 01 xã: thôn Sảng Chải A, Sảng Chải B, xã Lũng Pù.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 02 thôn, 01 xã: thôn Sủng Nhi B, Sủng Cháng, xã Sảng Máng.

- Dân tộc Lô Lô kiểm kê tại 02 thôn, 01 xã : thôn Cờ Tăng, Cờ Lẳng, xã Xín Cái

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã: thôn Bản Tại, xã Niêm Sơn.

- Dân tộc Giáy kiểm kê tại 03 thôn, 01 xã: thôn Bắc Làng, Bản Ruộc, Nà Poòng, xã Nậm Ban.

4.1.3. Huyện Yên Minh

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 4 dân tộc: Mông, Dao, Pu Péo, Tày trên địa bàn 07 thôn, 05 xã: Mậu Duệ, Lũng Hồ, Đường Thượng, Sủng Cháng, Ngam La, cụ thể:

- Dân tộc Mông kiểm kê tại 03 thôn, 02 xã: thôn Xín Chải, xã Đường Thượng; thôn Ngải Trồ, thôn Bản Cáp, xã Lũng Hồ.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã: thôn Tiến Hòa, xã Ngam La.

- Dân tộc Pu Péo kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã: thôn Cháng Lộ, xã Sủng Cháng.

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 03 thôn, 01 xã: thôn Cốc Cai, thôn Nà Đon, thôn Ngàm Soọc, xã Mậu Duệ.

4.4.4. Huyện Quản Bạ

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 6 dân tộc: Mông, Dao, Tày, Bố Y, Nùng, Giáy trên địa bàn 15 thôn, 07 xã/thị trấn: Lũng Vài, Nghĩa Thuận, Cao Mã Pờ, Thanh Vân, Đông Hà, Quản Bạ, thị trấn Tam Sơn, cụ thể:

- Dân tộc Mông kiểm kê tại 04 thôn, 04 xã: thôn Xín Cái, xã Nghĩa Thuận; thôn Cao Mã, xã Cao Mã Pờ; thôn Mã Hồng, xã Thanh Vân; thôn Lũng Khúy, xã Quản Bạ.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 04 thôn/thị trấn, 03 xã: thôn Thèn Ván 1, Thèn Ván 2, xã Cao Mã Pờ; thôn Trúc Sơn, xã Quản Bạ; thôn Thượng Sơn, thị trấn Tam Sơn.

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 03 thôn, 03 xã: thôn Nà Sài, xã Đông Hà; thôn Nà Khoang, xã Quản Bạ; thôn Bảo An, thị trấn Tam Sơn.

- Dân tộc Bố Y kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã: thôn Bản Thặng, xã Tùng Vài.

- Dân tộc Nùng kiểm kê tại 03 thôn, 02 xã: thôn Pả Láng, thôn Cốc Pục, xã Nghĩa Thuận; thôn Thanh Long, xã Thanh Vân.

- Dân tộc Giáy kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã: thôn Sang Phàng, xã Đông Hà.

4.1.5. Huyện Bắc Mê

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 4 dân tộc: Tày, Dao, Pu Páo trên địa bàn 07 thôn, 04 xã: Lạc Nông, Giáp Trung, Đường Âm, Yên Cường, cụ thể:

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 04 thôn, 02 xã: thôn Bản Khén, Bản Lòong, xã Lạc Nông; thôn Pom Cút, thôn Bản Lòong, xã Đường Âm.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 02 thôn, 01 xã: thôn Phia Boóc, thôn Khâu Nhà, xã Giáp Trung.

- Dân tộc Pu Páo kiểm kê tại 01 thôn, 01 xã; thôn Tiến Xuân, xã Yên Cường.

4.1.6. Thành phố Hà Giang

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 2 dân tộc: Tày, Dao trên địa bàn 07 thôn, 03 xã: Ngọc Đường, Phương Thiện, Phương Độ, cụ thể:

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 04 thôn, 02 xã: Thôn Chàng, thôn Mè Thượng, xã Phương Thiện; Thôn Tân Tiến, thôn Lúp, xã Phương Độ.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 01 thôn, 02 xã: thôn Nậm Tài, xã Ngọc Đường; thôn Nà Thác, thôn Khuổi My, xã Phương Độ.

4.1.7. Huyện Vị Xuyên

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 04 dân tộc: Tày, Dao, Mông, Kinh; 13 thôn, tổ dân phố; 05 xã, thị trấn: Minh Tân, Cao Bồ, Đạo Đức, Việt Lâm và thị trấn Việt Lâm, cụ thể:

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 05 thôn, 02 xã, gồm: thôn Làng Nùng, xã Đạo Đức; thôn Hát, Lèn, Chang, Lùng Sinh xã Việt Lâm.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại thôn Lùng Tao và thôn Thác Hùng xã Cao Bồ; thôn Phìn Sảng xã Minh Tân

- Dân tộc Mông kiểm kê tại thôn Hoàng Lý Pà, Mã Hoàng Mìn, xã Minh Tân.

- Dân tộc Kinh kiểm kê tại 03 tổ tại tổ 9, tổ 7, tổ 2, thị trấn Việt Lâm

4.1.8. Huyện Bắc Quang

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 5 dân tộc: Tày, Dao, Pà Thẻn, Kinh, Hoa Hán trên địa bàn 12 thôn, 08 xã, 02 thị trấn: Bằng Hành, Đức Xuân, Thị trấn Việt Quang, Tân Quang, Thị trấn Vĩnh Tuy, Vĩnh Phúc, Vĩnh Hảo, Tiên Kiêu, Tân Lập, Vô Điểm, cụ thể:

- Dân tộc Tày: Nhóm Tày kiểm kê tại thôn Linh xã Bằng Hành; thôn Vĩnh Xuân và thôn Vĩnh Chà, xã Vĩnh Phúc; thôn Kiêu, xã Tiên Kiêu; nhóm Tày Ngạn kiểm kê tại thôn Lâm, xã Vô Điểm.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 03 thôn, 02 xã, thị trấn, gồm: thôn Phiêng Phầy, xã Đức Xuân; thôn Thanh Sơn và Tân Sơn thị trấn Việt Quang.

- Dân tộc Pà Thên kiểm kê tại 02 thôn, gồm: Minh Hạ và Minh Thượng, xã Tân Lập.

- Dân tộc Kinh kiểm kê tại 02 thôn, gồm: thôn Tự Lập thị trấn Vĩnh Tuy và thôn Ba Luồng, xã Vĩnh Hào

- Dân tộc Hoa (Hán) kiểm kê tại thôn Mục Lạn, xã Tân Quang.

4.1.9. Huyện Quang Bình

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 07 dân tộc: Tày, Dao, Pà Thên, Nùng, Mông, La Chí, Phù Lá trên địa bàn 28 thôn, 12 xã, thị trấn, cụ thể:

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 10 thôn, 05 xã, gồm: thôn Chàng Sát, xã Yên Hà; Thôn Quyền, Then, Tĩnh, thôn Chang xã Xuân Giang; thôn Khun, Trung Thành, Hạ Thành xã Bằng Lang; thôn Trung Thành, xã Vĩ Thượng; thôn Yên Lập, xã Yên Thành.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 07 thôn, 06 xã, gồm: thôn Lang Cang, xã Xuân Minh; thôn Nậm Qua, xã Tân Nam; thôn Xuân Hồng, Quang Sơn, xã Tiên Nguyên; thôn Đồng Tâm, xã Yên Thành; thôn Thượng Minh, xã Vĩ Thượng; thôn Tiên Yên, xã Bằng Lang

- Dân tộc Pà Thên kiểm kê tại 03 thôn, 03 xã, gồm: thôn Lùng Lý, xã Xuân Minh; thôn Mắc Thượng, xã Tân Trịnh; thôn Nậm O, xã Tân Bắc.

- Dân tộc Nùng kiểm kê tại 03 thôn, 02 xã, gồm: Khuổi Cóm, xã Yên Hà; thôn Hạ Đông, Hạ Lập, xã Bằng Lang

- Dân tộc Mông kiểm kê tại 03 thôn, 03 xã, gồm: thôn Khuổi Kè, xã Bằng Lang; thôn Làng Ái, thôn Bó Lầm, xã Nà Khương.

- Dân tộc La Chí kiểm kê tại 04 thôn, 02 xã, gồm: thôn Lùng Vi, thôn Già Nàng và thôn Thâm Mang, xã Nà Khương; thôn Hạ Sơn, xã Vĩ Thượng.

- Dân tộc Phù Lá kiểm kê tại thôn Phù Lá, xã Tân Nam.

4.1.10. Huyện Hoàng Su Phì

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 07 dân tộc: La Chí, Phù Lá, Nùng, Cờ Lao, Dao, Dân tộc Mông, Hoa; 16 thôn, 10 xã: Bản Máy, Hồ Thầu, Bản Luốc, Nậm Dịch, Tả Sử Choóng, Tụ Nhân, Túng Sán, Bản Phùng, Pờ Ly Ngài, Pồ Lò, cụ thể:

- Dân tộc La Chí kiểm kê tại 02 thôn, gồm: thôn Na Lếng và thôn Cum Pu xã Bản Phùng.

- Dân tộc Phù Lá kiểm kê tại thôn Bản Máy, xã Bản Máy.

- Dân tộc Nùng kiểm kê tại 04 thôn, 02 xã, gồm: thôn Coóc Soọc, thôn Pồ Lò xã Pồ Lò; thôn Tả Đản, Chàng Chảy, xã Pờ Ly Ngài.

- Dân tộc Cờ Lao kiểm kê tại 02 thôn, gồm: thôn 01 Khu Trù Sán và thôn 4 tá Chải, xã Túng Sán.

- Dân tộc Dao kiểm kê tại 02 thôn, gồm: thôn Chiến Thắng và thôn Tân Phong, huyện Hoàng Su Phì.

- Dân tộc Mông kiểm kê tại 04 thôn, 02 xã, gồm: thôn Nậm Dịch, thôn Bản Péo xã Nậm Dịch; thôn Hóa Chéo Phìn, thôn Chả Hồ xã Tả Sử Choóng.

Dân tộc Hoa (Hán) kiểm kê tại thôn Cán Chỉ Dền, xã Tụ Nhân.

4.1.11. Huyện Xín Mần

Thực hiện kiểm kê, điều tra, khảo sát, điền dã 5 dân tộc: Mông, Phù Lá, La Chí, Nùng, Tày; 11 thôn, 06 xã: Khuôn Lùng, Cốc Rế, Nậm Dẫn, Nàn Ma, Nàn Xin, Bản Díu, cụ thể:

- Dân tộc Mông kiểm kê tại 03 thôn, 02 xã, gồm: thôn Lùng Sáng và Nàn Ma, xã Nàn Ma.

- Dân tộc Phù Lá kiểm kê tại thôn Chúng Chải, xã Nàn Xin.

- Dân tộc La Chí kiểm kê tại 02 thôn: Díu Thượng và Ngam Lin xã Bản Díu

- Dân tộc Nùng kiểm kê tại 03 thôn, 02 xã, gồm: thôn Cốc Đông, Nậm Ngà xã Cốc Rế; thôn Nậm Lu, xã Nậm Dẫn.

- Dân tộc Tày kiểm kê tại 02 thôn: Làng Thượng và Nà Ràng, xã Khuôn Lùng.

1.3. Kết quả kiểm kê theo loại hình

Ngoài việc thực hiện công tác kiểm kê theo địa bàn, còn tổ chức Kiểm kê theo loại hình (kiểm kê chuyên đề về sách cổ của người Tày và người Dao, cụ thể:

- Sách cổ của người Tày: Hệ thống sách cổ (sách cúng) bằng chữ Nôm Tày hoặc chữ Hán Nôm tại các gia đình thầy cúng.

- Sách cổ của người Dao: Hệ thống sách cổ (sách cúng) bằng chữ Nôm Dao hoặc chữ Hán Nôm tại các gia đình thầy cúng.

1.4. Đánh giá kết quả đạt được

Qua khảo sát các di sản văn hóa phi vật thể còn tồn tại 446 di sản trong đó:

1.4.1. Loại hình tiếng nói, chữ viết

- Về tiếng nói: Có 14 di sản của 14 dân tộc, gồm: Mông, Tày Dao, Kinh, Nùng, Giáy, La Chí, Hoa (Hán), Pà Thẻn, Cờ Lao, Lô Lô, Bô Y, Phù Lá, Pu Péo đều giữ được tiếng nói riêng của dân tộc mình.

- Về chữ viết: Có 03 di sản: Chữ viết dân Tộc Mông; chữ Nôm Tày (còn một phần nhỏ trong hệ thống sách cúng, sách Then, sách của Thầy Tạo, các bài dân ca cổ dân tộc Tày); chữ Nôm Dao (hệ thống sách cúng (sách cổ) của dân tộc Dao; Còn lại một số dân tộc lưu giữ tại cộng đồng bằng chữ Hán - Nho (chủ yếu ở các bài văn cúng tế, truyện cổ, truyền thuyết...).

1.4.2. Loại hình Ngữ văn dân gian có 47 di sản: Truyền thuyết, truyện cổ, thơ ca, hát giao duyên (hát lượn dân tộc Nùng, Cọi dân tộc Tày, Lượn bách Giáo...), hát ru, câu đố, các bài ca - hát trong nghi lễ cúng tế; dân ca các dân tộc...

1.4.3. Loại hình Nghệ thuật trình diễn dân gian có 12 di sản: Thối múa Khèn Mông; các điệu múa cổ của các dân tộc như: Một số điệu múa cổ của các dân

tộc, hát quan làng dân tộc Tày; Dân ca của người Bô Y; múa Ngựa giấy của người Nùng; múa cấp sắc của người Dao...

1.4.4. Loại hình Tập quán xã hội và tín ngưỡng có 259 di sản: Truyền nghề thầy cúng, Lễ cầu mùa, mừng thọ, tục lệ cưới hỏi, Tập quán sinh đẻ và nuôi con, lễ nhận bố mẹ nuôi, nghi thức tang ma, các ngày lễ tết cổ truyền, lễ gọi tổ tiên về ăn tết (đêm 30 tết dân tộc Pà Thên), lễ nhà mới, nghi lễ nông nghiệp (lễ cơm mới, cúng hồn lúa, cốm mới), tục kiêng kỵ trong cuộc sống, quan niệm về tín ngưỡng, tục lệ cúng khi sinh nở, trưởng thành và ốm đau, nghi lễ cấp sắc, lễ cúng Bàn Vương, lễ nhảy lửa dân tộc Dao; các loại hình Nghi lễ Thên dân tộc Tày, Nghi lễ cúng thần rừng, lễ ra đồng của dân tộc Pu Páo, Nghi lễ cúng tổ tiên dân tộc Lô Lô, ...

1.4.5. Loại hình Lễ hội truyền thống có 13 di sản: Lễ hội lòng tông, Cầu mùa của người Tày - Nùng; Lễ hội nhảy lửa, Lễ hội cầu mùa của người Pà Thên; Lễ hội Gầu tào của người Mông; Tết Khu cù tê của người La Chí; Lễ hội Quý Hiếng (Lễ qua tết của dân tộc Dao) của người Dao đỏ; Lễ hội năm mới của người Giáy; Lễ hội ao tiên của người Nùng; Lễ hội của Trăng của người Tày và người Tày Ngạn; Lễ hội cầu mùa, cầu mưa của người Dao đỏ...

1.4.6. Loại hình Nghề thủ công truyền thống có 41 di sản: Trang phục truyền thống của các dân tộc Mông, Tày Dao, Kinh, Nùng, Giáy, La Chí, Hoa (Hán), Pà Thên, Cờ Lao, Lô Lô, Bô Y, Phù Lá, Pu Páo...; Đan lát của các dân tộc Mông, Hoa, Cờ Lao, Tày, Nùng, Dao...; Nghề Rèn của người Mông, Dao; Nghề Mộc của các dân tộc Mông, Hoa, Cờ Lao, Tày, Nùng, Phù Lá, La Chí, Pu Páo, Giáy, Bô Y, Lô Lô (đen, hoa), Pà Thên...

1.4.7. Loại hình Tri thức dân gian có 57 di sản: Văn hóa ẩm thực của 14 dân tộc trong đối tượng kiểm kê; Y học dân gian (bóc thuốc nam) của các dân tộc Mông, Dao, Tày, Nùng, La Chí, Cờ Lao, Bô Y...; Nghề chạm Bạc của người Dao và người Nùng; Nghề làm giất bản của người Dao; Tri thức canh tác hóc đá của cư dân Cao nguyên đá Hà Giang; ...

1.4.8. Kiểm kê, sưu tầm sách cổ của người Tày, Dao

- Sách cổ của người Tày: Qua kiểm kê thực tế, hiện nay người Tày ở các huyện Yên Minh, Quản Bạ, Bắc Mê, Bắc Quang, Quang Bình, Xín Mần vẫn lưu giữ được sách cổ (chủ yếu là các thầy cúng, then, tạo còn lưu giữ). Phô tô, chụp ảnh được 03 cuốn sách: Then Khảm Hải; các đường then thực hành nghi lễ; Lược Bách giáo lưu truyền vạn đại.

- Sách cổ của người Dao: Qua kiểm kê hiện nay, người Dao ở huyện Yên Minh, Quản Bạ, Bắc Mê, Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Hoàng Su Phì số lượng còn khá nhiều chủ yếu là các thầy cúng còn lưu giữ. Đã phô tô, chụp ảnh, scan theo từng chuyên đề để lưu trữ.

(Có 07 danh mục di sản theo từng loại hình: Tiếng nói, chữ viết; Ngữ văn dân gian; Nghệ thuật trình diễn dân gian; Tập quán xã hội và tín ngưỡng; Nghề thủ công truyền thống; Tri thức dân gian kèm theo)

III. PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN VÀ LẬP HỒ SƠ KHOA HỌC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương án bảo tồn

Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong thời gian tới Ban kiểm kê di sản văn hóa đề xuất 02 phương án bảo tồn, cụ thể như sau:

1.1. Phương án 1

Tiếp tục triển khai thực hiện Công văn số 2189/BVHTTDL-DSVH ngày 02/6/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xây dựng và phê duyệt dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục Quốc gia trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Trên cơ sở các di sản văn hóa phi vật thể đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia xây dựng dự án “Bảo vệ và phát huy giá trị DSVHPVT trong Danh mục DSVHPVT quốc gia”. Thông qua đó các di sản sẽ được bảo vệ, phục dựng, xây dựng phim tư liệu quảng bá, mở lớp các truyền dạy bí quyết và tổ chức thực hành tại cộng đồng...

1.2. Phương án 2

Trên cơ sở kết quả kiểm kê xây dựng dự án “Phục dựng, bảo tồn một số di sản văn hóa phi vật của các dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang” trình UBND tỉnh phê duyệt. Theo đó, dự án sẽ tổ chức phục dựng, bảo tồn một số di sản văn hóa phi vật của các dân tộc thiểu số đang có nguy cơ mai một và mai một cao, cần bảo vệ và bảo vệ khẩn cấp để lưu giữ tại ngân hàng dữ liệu phi vật thể của quốc gia, của tỉnh; đồng thời mở các lớp truyền dạy trao truyền cho cộng đồng tiếp tục bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

Lập đề án xây dựng hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu di sản văn hóa tỉnh Hà Giang.

2. Việc lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

- Đến nay tỉnh Hà Giang đã thực hiện công tác lập hồ sơ khoa học và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa 22 di sản vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia². Đang trình bộ đưa vào danh mục 05 hồ sơ³.

- Dự kiến những năm tiếp theo ngành sẽ tiếp tục lựa chọn và lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch một số di sản⁴.

² Lễ hội Nhảy lửa của người Pà Thẻn; Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô; Lễ cúng thần rừng của người Pu Péo; Nghi lễ cấp sắc của người Dao; Lễ hội Gầu Tào dân tộc Mông; Lễ hội mừng năm mới của dân tộc Giáy; Tết Khu Cù Tê của người La Chí; Tri thức canh tác hóc đá của cư dân cao nguyên đá Hà Giang; Lễ hội Quỳa hiêng (Lễ hội qua năm) của người Dao đỏ; Nghi lễ Then của người Tày; Nghệ thuật Khèn của người Mông; Kỹ thuật trồng lanh và dệt vải lanh của người Mông; Tết cá của người Tày; Lễ cúng rừng (Mo đông trư) của người Nùng; Dân ca của người Bô Y; Lễ ra đồng của người Pu Péo; nghề làm giấy bản của người Dao đỏ; Lễ cúng rừng của người Phù Lá; Lễ hội Cầu trăng của người Tày Ngạn; Nghề chạm bạc của người Nùng.

³ Lễ nhảy lửa và Lễ cúng Bàn Vương của người Dao đỏ; Lễ cầu mùa của người Cờ Lao; Lễ mừng thọ của người Nùng; Lễ cầu an của người Giáy; Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Lô Lô đen.

IV. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Trong quá trình thực hiện kiểm kê tại 11/11 huyện và thành phố, Ban kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể đã nhận được sự phối hợp, quan tâm, giúp đỡ của UBND, Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố trực tiếp là UBND các xã và nhân dân các dân tộc tại các thôn (bản) đã tạo điều kiện giúp đỡ, cung cấp thông tin cho các thành viên trong tổ kiểm kê.

Các nghệ nhân, đặc biệt là các nghệ nhân cao tuổi tại các thôn bản dù trực tiếp hay gián tiếp đều tham gia vào công việc cung cấp thông tin rất nhiệt tình, tất cả cùng thống nhất quan điểm: Cung cấp thông tin đầy đủ cho Tổ kiểm kê để đưa vào danh mục kiểm kê để có phương án bảo tồn và phát huy trong thời gian tới.

2. Khó khăn

Với đặc điểm là một tỉnh miền núi biên giới, mật độ dân cư không tập trung, phân bố rải rác, không đồng đều, địa hình bị chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, khí hậu khắc nghiệt. Những đặc điểm đó phần nào đã ảnh hưởng đến công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

Một số địa phương, các cấp chính quyền chưa quan tâm đến công tác nghiên cứu, sưu tầm về di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng dân tộc. Một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc đang có nguy cơ mai một hoặc mất đi chưa có đủ kinh phí và nhân lực để thực hiện các đề tài, đề án, dự án, chuyên đề, chương trình...bổ trợ cho công tác kiểm kê, lập danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện Luật di sản Văn hóa chưa được thường xuyên. Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chưa hấp dẫn nên không thu hút được đông đảo người dân tham gia hưởng ứng từ đó dẫn đến nhận thức của nhân dân về trách nhiệm bảo vệ và phát huy các giá trị di sản còn hạn chế dẫn đến các giá trị di sản bị mai một, thậm chí có một số di sản đã mất đi nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện kiểm kê tại cơ sở.

3. Nguyên nhân

Nguy cơ mai một của nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể, do các nghệ nhân am hiểu về di sản đã chết, số nghệ nhân còn lại do tuổi cao, sức yếu, trí nhớ không còn minh mẫn dẫn đến việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Bên cạnh đó, còn những yếu tố kiêng kỵ của phong tục, một số nghệ nhân ngại tiếp xúc, e dè trong giao tiếp,

⁴ Nghệ thuật chằm sáp ong và trang trí trên trang phục truyền thống của người Bô Y; Hát Páo Dung của người Dao tỉnh Hà Giang; Lễ hội cầu mùa của dân tộc Pà Thẻn huyện Bắc Quang; Kỹ thuật thêu, dệt thổ cẩm người Nùng U, huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì; Kỹ thuật trồng bông và dệt vải của người La Chí huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần và huyện Quang Bình; Nghề chạm bạc của người Dao (nhóm Dao áo dài) xã cao Bô, huyện Vị Xuyên; Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Pà Thẻn huyện Bắc Quang, Quang Bình; Lễ cơm mới của người Nùng, huyện Hoàng Su Phì; Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Lô Lô Hoa, huyện Mèo Vạc; Tri thức và kỹ thuật đan nón lá của người Tày; Lợn cọi của người Tày; Tri và kỹ thuật và bún của người Tày; Nghệ thuật trang trí trên trang phục của người Dao; Dân ca Mông ở huyện Xín Mần; Kỹ thuật chằm sáp ong và trang trí trên trang phục truyền thống của người Bô Y...

có một số người không nghe và hiểu được tiếng phổ thông nên ảnh hưởng phần nào đến việc cung cấp thông tin cho cán bộ kiểm kê.

Đặc điểm của di sản văn hóa phi vật thể là tồn tại trong trí nhớ và được lưu truyền thông qua bằng con đường truyền khẩu nên việc sưu tầm và xây dựng quy trình thực hành theo đúng truyền thống là rất khó khăn. Đồng thời, thời gian đi điền dã, sưu tầm của tổ kiểm kê đến các thôn bản rất ít còn ảnh hưởng đến việc thu thập thông tin chưa được đầy đủ, chi tiết và cụ thể.

Nguồn kinh phí, ngân sách, phương tiện, con người cần đầu tư, bố trí cho lĩnh vực này chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Chưa có chính sách, chế độ thích đáng cho các nghệ nhân tài giỏi, những cá nhân và gia đình có công giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc.

Do đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nguồn kinh phí xã hội hóa không có nên các nghi lễ, lễ hội truyền thống không còn được tổ chức quy mô, bài bản như lễ hội gốc mà được một số người dân tự tổ chức rút gọn thành một nghi lễ nhỏ theo nhu cầu tín ngưỡng, điều này ít nhiều làm mai một, làm biến dạng và mất đi bản chất cốt lõi văn hóa, ý nghĩa tâm linh tốt đẹp.

Việc trao truyền lại các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng, tri thức dân gian, nghề truyền thống, lễ hội truyền thống...cho thế hệ trẻ chưa được thực hiện thường xuyên, nhiều loại hình có nguy cơ bị mai một và mai một cao.

Ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc của một bộ phận người dân (đặc biệt là lớp trẻ) còn yếu nên bị ảnh hưởng bởi văn hóa ngoại lai, tâm lí sính ngoại, ít quan tâm đến văn hóa dân tộc mình.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

2.1. Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư kinh phí cho công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã đem lại hiệu quả đáng kể. Qua điều tra và kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể của 14 dân tộc trên địa bàn 11 huyện, thành phố trong tỉnh, hiện tại di sản văn hoá phi vật thể đã được bảo tồn, lưu giữ và phát huy ở nhiều mức độ khác nhau. Xong trên thực tế do nhiều yếu tố tác động, hầu hết các di sản văn hoá phi vật thể đang bị mai một, biến dạng, có nguy cơ cao sẽ mất đi. Do vậy, cần có một số giải pháp tích cực và hiệu quả cho việc sưu tầm, lưu giữ các di sản văn hóa dân gian tại các địa phương, cụ thể:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục đến các tầng lớp nhân dân về bảo vệ giá trị di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là thế hệ trẻ.

- Chính quyền địa phương cần quan tâm hơn nữa đến các giá trị văn hóa phi vật thể trong cộng đồng dân tộc và coi trọng các nghệ nhân có tâm huyết với công việc bảo tồn di sản văn hóa.

- Hàng năm mở lớp các truyền dạy về giá trị di sản văn hoá dân gian dân tộc thiểu số cho thanh thiếu niên như: Dạy hát dân ca, múa dân gian, dệt lanh, nghề mộc, chạm bạc, đan lát...

- Tiếp tục kiểm kê theo chuyên đề, lưu giữ các giá trị văn hóa dân gian các dân tộc, khen thưởng động viên kịp thời, góp phần cho việc bảo tồn và nghiên cứu phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đang có nguy cơ mai một.

- Phục dựng một số di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc mang tính tiêu biểu của các dân tộc, qua đó góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số.

- Có kế hoạch tôn vinh giá trị các loại hình di sản trong các sự kiện tại địa phương, huyện, tỉnh.

2.2. Kiến nghị

- Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm hỗ trợ kinh phí theo các chương trình mục tiêu để tổ chức bảo tồn, trao truyền những di sản văn hoá phi vật thể đang có nguy cơ mai một.

- Đề nghị UBND tỉnh Hà Giang quan tâm đến công tác kiểm kê, sưu tầm, nghiên cứu và phục dựng các loại hình di sản văn hóa phi vật thể 5 năm 1 lần để có phương án bảo tồn và phát huy kịp thời. Nhất là việc đầu tư kinh phí cho việc lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể để trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Cần có những chính sách cụ thể và thiết thực đầu tư cho các chương trình về bảo tồn và phát huy di sản văn hoá phi vật thể. Trong đó, cần đặc biệt coi trọng đầu tư trực tiếp cho chủ thể các di sản văn hoá, có cơ chế chính sách cho các nghệ nhân.

Trên đây là Báo cáo kết quả đợt kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Hà Giang năm 2021 của Ban kiểm kê di sản văn hóa tỉnh Hà Giang./.

Nơi nhận:

- Bộ VH,TT&DL;
- Cục DSVH;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- UBND các huyện, TP;
- TV Ban kiểm kê DSVH;
- VP, phòng KH&TC;
- Phòng QLDSVH;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Hải